TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Bà Phạm Hải Yến

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXX - ST ngày 15/8/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị D, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1979

Trú tại: thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(chị D, anh H đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Vũ Thị D có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Đỗ Văn H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q ngày 13/9/2004. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà anh H ở thôn S, xã Q, huyện Q rồi cùng ra Hải Dương, Hưng Yên

làm công nhân thuê nhà ở chung, cứ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ anh chị lại về xã Q, huyện Q sinh sống. Anh chị chung sống được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, hay bất đồng ý kiến trong vấn đề tài chính kinh tế và chăm sóc con. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Kể từ khi ly thân, chị D không về Quỳnh Giao sinh sống nữa mà về nhà bố mẹ đẻ chị ở Q, Q sống cùng hai con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Đỗ Văn H.

Về quan hệ con chung: Chị D và anh H có 02 con chung: con Đỗ Văn H1, sinh ngày 29/6/2005, từ nhỏ đã ở cùng ông bà ngoại là ông Vũ Xuân S và bà Vũ Thị M (bố mẹ đẻ của chị D) ở Q, hiện nay con H đang học lớp 9, trường trung học cơ sở xã Q, Q; con Đỗ Trâm A, sinh ngày 28/02/2014, hiện ở cùng chị D và học lớp 5 tuổi, Trường mầm non K, địa chỉ: Khu đô thị V, thị trấn L, C, Hải Dương (nơi chị D làm việc).

Ly hôn chị D đề nghị: đối với con Đỗ Văn H1, con có nguyện vọng ở với mẹ, từ nhỏ con H đã sống và học tập tại nhà ông bà ngoại, bản thân anh H cũng đồng ý để chị D nuôi con H và nhất trí góp tiền cấp dưỡng nuôi con H 1.000.000đ/01 tháng theo nguyện vọng của con; đối với con Đỗ Trâm A, con còn nhỏ lại là con gái cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Mặt khác từ khi vợ chồng ly thân con Trâm A vẫn ở với chị, một mình chị chăm sóc, đưa đón con đi học, đóng học phí cho con, anh H chỉ thỉnh thoảng đến thăm con, không chu cấp tiền cho con ăn học và sinh hoạt. Bản thân chị hiện làm công nhân ở công ty TNHH Shinyang Metal Việt Nam ở Khu công nghiệp mở rộng, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương thu nhập trung bình 9.703.442đ/01 tháng, điều kiện nơi ăn chốn ở tốt hơn anh H, bố mẹ chị còn khỏe có điều kiện để hỗ trợ chị chăm sóc các con. Do đó chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 1.000.000 đồng/01 tháng (02 con là 2.000.000 đồng/01 tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là Anh Đỗ Văn H trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị đều ra Hải Dương, Hưng Yên làm công nhân. Thời gian đầu hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng kể từ khi sinh con gái Trâm A được 06 tháng, anh chị bắt đầu xảy ra va chạm, cãi cọ nhau. Nguyên nhân là do anh không tin tưởng chị D cả trong vấn đề tình cảm, chăm sóc con cái và tài chính kinh tế. Đầu năm 2019 vợ chồng căng thẳng, anh quyết định ra thuê nhà ở riêng và sống ly thân với chị D. Nay chị D xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung đúng như chị D trình bày. Quan điểm của anh: đối với con Đỗ Văn H1, con đã lớn có nhận thức riêng, từ nhỏ đã sống cùng ông bà ngoại ở Q và học tập tại đó nên anh nhất trí để chị D trực tiếp nuôi dưỡng con H và đồng ý góp tiền cấp dưỡng nuôi con H 1.000.000 đồng/01 tháng theo nguyện vọng

của con; đối với con Đỗ Trâm A anh đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh đưa ra là vì: con Trâm A được sinh ra hoàn toàn theo ý muốn của anh, quá trình nuôi con, chị D hay đánh đập, quát mắng con, thường đưa con đi học sớm, đón con về muộn, hai lần vì mâu thuẫn vợ chồng đã bóp cổ con tím tái người. Khi quyết định sống ly thân, anh muốn đón con Trâm A theo nhưng chị D không đồng ý. Từ khi ly thân, thỉnh thoảng anh có đến thăm con, mua đồ chơi, quần áo và sữa cho con, anh không chu cấp tiền học tập, sinh hoạt cho con vì anh không tin tưởng chị D. Hiện nay, anh đang làm công nhân cơ khí tại công ty cổ phần xây dựng kết cấu thép IPC, địa chỉ: xã M, huyện M, tỉnh Hưng Yên, thu nhập trung bình 9.730.219đ/01tháng. Nếu anh được nuôi con Trâm A anh sẽ đưa con về Q, Q nhờ bố mẹ đẻ và chị gái anh chăm sóc, anh sẽ vẫn đi làm ở Hưng Yên và thỉnh thoảng về thăm con.

Về quan hệ tài sản: Anh thống nhất với ý kiến của chị D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D và Anh Đỗ Văn H; về con chung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D giao chị D nuôi hai con chung, anh H có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D mỗi con 1.000.000đ/01 tháng; về tài sản: không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị D và anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Vũ Thị D và Anh Đỗ Văn H là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Anh Đỗ Văn H cư trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị D, anh H và cháu Đỗ Văn H1, xác minh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của vợ chồng, vì vậy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị D và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 11 năm thì vợ chồng chị D anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H nghi ngờ chị D không chung thủy và bất đồng quan điểm sống, hay cãi cự nhau trong việc chăm sóc con cái cũng như tài chính kinh tế chung của vợ chồng. Đến khoảng tháng 02/2019 anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau.

Nay cả hai anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D xin ly hôn, anh H nhất trí nên cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là Đỗ Văn H1, sinh ngày 29/6/2005 và Đỗ Trâm A, sinh ngày 28/02/2014. Cả hai con chung đều đang ở cùng chị D và ông bà ngoại. Xét thấy:

[3.1] Đối với con chung Đỗ Văn H1: Từ nhỏ con H đã ở cùng ông bà ngoại, con đang học tập ổn định tại trường THCS Q và cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và ông bà ngoại. Anh H và chị D đều thống nhất việc giao con H cho chị D nuôi dưỡng và anh H góp tiền cấp dưỡng nuôi con H 1.000.000 đồng/01 tháng, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc nuôi dưỡng con H.

[3.2] Đối với con Đỗ Trâm A: chị D và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con là hoàn toàn chính đáng, mức thu nhập của chị D và anh H không quá chênh lệch nhau. Tuy nhiên cũng xét: con Trâm A còn nhỏ, lại là con gái việc sinh hoạt cá nhân và học tập rất cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Mặt khác, từ khi anh H, chị D sống ly thân, con Trâm A vẫn do chị D nuôi dưỡng. Kết quả xác minh tại trường mầm non K, thị trấn L Hải Dương (nơi con Trâm A đang học) cho thấy việc đưa đón con đi học, đóng học phí cho con chủ yếu là do chị D thực hiện, ở trường con Trâm A khỏe mạnh, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần so với các bạn cùng lứa tuổi và được học tập trong môi trường tốt. Kết quả xác minh ở cơ sở thôn B, xã Q, chị D có lối sống lành mạnh, chan hòa cởi mở với mọi người, không có điều tiếng gì. Anh H nêu lý do chị D hay đánh đập, chửi mắng, ngược đãi con, không chung thủy nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con Trâm A, cần giao con Trâm A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Xét mức cấp dưỡng mà chị D yêu cầu anh H phải đóng góp là 1.000.000 đồng/01 tháng để nuôi con Trâm A là phù hợp với thực tế hiện nay, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị D và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. <u>Về quan hệ hôn nhân</u>: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D và Anh Đỗ Văn H.

2. <u>Về quan hệ con chung</u>: Xử giao chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Văn H1, sinh ngày 29/6/2005 và Đỗ Trâm A, sinh ngày 28/02/2014. Anh Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vũ Thị D số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con kể từ tháng 09/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; Chị Vũ Thị D và Anh Đỗ Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. <u>Về quan hệ tài sản</u>: Không đặt ra để giải quyết.

4. <u>Về án phí</u>: Chị Vũ Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004086 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/9/2019.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã Q (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phượng